

## TỔNG HỢP CÁC DẠNG TOÁN TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH TOÁN 4

Giáo viên: Nguyễn Thị Huệ

### Dạng 1: Số tự nhiên, dãy số tự nhiên, cấu tạo số.

**Bài 1.** Viết số tự nhiên M và đọc tên của số đó biết:

- $M = 5 \times 1000 + 4 \times 100 + 3 \times 10 + 2$
- $M = 9 \times 10000 + 8 \times 1000 + 7 \times 100 + 2$
- $M = 1 \times 10000 + 3 \times 1000 + 2 \times 100 + 4$
- $M = 7 \times 1000 + 5 \times 10 + 4$

**Bài 2.** Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào ô trống:

a.  $3 \times 1000 + 9 \times 100 + 5 \times 10 + 7$   3957

b.  $\overline{a3} + \overline{3a}$    $\overline{aa} + 34$

c.  $\overline{9b} + \overline{b9}$    $(9+b) \times 11$

d.  $\overline{m0m0m}$    $\overline{m0000} + \overline{m0m}$

**Bài 3.** Cho dãy số 1; 2; 3; 4;...; 2010; 1011. Hỏi:

- Dãy số trên có bao nhiêu chữ số ?
- Tìm chữ số thứ 2011 của dãy số trên.

**Bài 4.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 182 và nếu bỏ chữ số 1 bên trái số lớn thì được số bé.

**Bài 5.** Tìm số có ba chữ số viết bởi các chữ số 1, 7, 9 biết rằng nếu xóa đi chữ số 1 của nó ta được một số kém 712 đơn vị.

**Bài 6.** Tìm số có bốn chữ số, biết rằng nếu viết thêm chữ số 1 vào tận cùng bên phải số đó thì được số mới mà tổng của số mới và số phải tìm là 22122.

### Dạng 2: Các phép tính với số tự nhiên.

**Bài 1.** Tính bằng cách thuận tiện nhất

1.  $28 + 125 + 72$

2.  $3246 + 512 + 688 + 154$
3.  $96 + 15 + 4 + 85$
4.  $135 \times 13 - 135 \times 3$
5.  $246 \times 35 - 246 \times 20 - 246 \times 5$
6.  $432 \times 25 + 76 \times 432 - 432$
7.  $1 + 1 + 1 + \dots + 1 - 999$  (có 1000 số 1)
8.  $4 \times 113 \times 25 - 5 \times 112 \times 20$
9.  $(100 - 99 + 97 - 80 + 15) \times (16 - 2 \times 8)$
10.  $\underbrace{1 + 1 + \dots + 1}_{1000 \text{ số } 1} - 999$

11.  $4 \times 113 \times 25 - 5 \times 112 \times 20$
12.  $(100 - 99 + 97 - 80 + 15) \times (16 - 2 \times 8)$

**Bài 2.** Tìm quy luật và điền 3 số tiếp theo vào dãy số.

- a. 2; 8; 32; 128; .....; .....; .....
- b. 1; 2; 2; 4; 8; .....; .....; .....
- c. 5; 5; 10; 30; 120; .....; .....; .....
- d. 36, 72, 108, ....., ....., ....., ....., ....., ....., ....., .....

**Bài 3:**

- a) Tính tổng của 5 số chẵn đầu tiên.
- b) Tính tổng các số từ 1 đến 25.

**Bài 4:** Tìm  $x$  biết

- a)  $x + 256 = 45 \times 8$
- b)  $45602 - x = 1 + 2 + 3 + \dots + 25$
- c)  $x + x + x = 3 \times 102$
- d)  $x \times 35 - x \times 33 + x \times 8 = 60$
- d)  $x \times 52 + x \times 46 = 2500 - x \times 2$
- e)  $x \times 15 - 35 \times 3 = 1200 + 3 \times 65$
- f)  $x \times 13 - 34 = x \times 12 + 55 \times 34$
- g)  $5250 : (x + 13) = 30$

h)  $2150 : x = 5 \times 5 \times 2$

i)  $124 \times x = 4829 - 365$

k)  $21\,528 : x = 340 - 41$

l)  $x \times 145 = 2030 \times 3$

**Bài 5.** Biết một số chia cho 34 được số dư là 14. Hỏi:

a. Để số đó chia hết cho 34 thì phải bớt đi bao nhiêu đơn vị?

b. Để số đó chia hết cho 34 thì phải thêm vào số đó bao nhiêu đơn vị?

**Bài 6.**

1. Tính giá trị biểu thức:  $(m + n + p) \times (m - n - p)$  biết:

a.  $m = 210, n = 134, p = 66$

b.  $m = 2350, n = 1350, p = 1000$

2. Tính giá trị biểu thức  $(m + n) \times (m - n)$

a. Với  $m = 2005, n = 2004$

b. Với  $m = 3\,456\,789, n = 3\,456\,789$

**Bài 7:** Tổng của hai số là 10 000. Nếu tăng số hạng thứ nhất lên 200 đơn vị và giảm số hạng thứ hai đi 100 đơn vị thì tổng mới bằng bao nhiêu?

**Bài 8:** Trung bình cộng của bố, mẹ và con là 46 tuổi. Biết bố hơn mẹ 3 tuổi và tuổi mẹ gấp đôi tuổi con. Tìm số tuổi của mỗi người?

**Bài 9:** Có 3 xe ô tô chở hàng. Xe thứ nhất chở được 25 tấn, xe ô tô thứ hai chở được 27 tấn, xe ô tô thứ ba chở được nhiều hơn trung bình cộng của cả ba xe là 4 tấn. Hỏi, ô tô thứ ba chở được bao nhiêu tấn hàng?

**Bài 10 :** Bạn Hà làm một phép cộng, vì bạn đặt sai hàng đơn vị của số thứ hai với hàng chục của số 2035 nên được tổng là 3455. Tìm số hạng thứ hai và tổng đúng của phép tính ?

**Bài 11.** Tích của hai số 342, người ta thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải của hai thừa số. Hỏi tích mới thu được là bao nhiêu?

**Bài 12.**

a. Tích của hai số bằng 123. Nếu gấp một thừa số lên 10 lần rồi nhân với thừa số kia thì tích mới là bao nhiêu?  
b. Tích của hai số bằng 201. Nếu gấp thừa số thứ nhất lên 5 lần và thừa số thứ hai lên 2 lần thì tích mới là bao nhiêu?

**Bài 13.** Một xưởng sản xuất, có 24 máy khâu loại A và B, số máy loại A gấp đôi số máy loại B. Biết một ngày máy loại A làm ra 50 cái áo, một máy loại B làm ra 40 cái. Hỏi xưởng sản xuất ra bao nhiêu cái áo trong 2 ngày?

**Bài 14:** Hai đội công nhân cùng làm chung đoạn đường. Đội A có 9 người, mỗi người làm được 25m đường. Đội B có 6 người, mỗi người làm được 30m đường. Hỏi trung bình mỗi công nhân làm được bao nhiêu mét đường?

### Dạng 3: Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9

**Bài 1.** Cho các số sau: 4236, 37 250, 4164, 2871, 9719, 40 260, 96 731.

- Trong các số trên số nào chia hết cho 3?
- Trong các số trên số nào chia hết cho 9?

**Bài 2.** Cho các số: 3578, 4290, 10 235, 729 180, 54 279, 6549

- Tìm trong đó các số chia hết cho 2.
- Tìm trong đó các số chia hết cho 3.
- Tìm trong đó các số chia hết cho cả 2 và 5.
- Tìm trong đó các số chia hết cho 2, 5 và 9.

**Bài 3.** Cho  $8321 < \overline{832^*} < 8329$ . Tìm số thích hợp điền vào dấu \* để:

- Số đó chia hết cho 5.
- Số đó chia hết cho 3.
- Số đó chia hết cho 3 và 2.

**Bài 4.** Không thực hiện phép tính xem biểu thức sau chia hết cho 2 và 3 không?

- $23\ 451 + 348\ 381 - 93\ 420 + 70\ 482$
- $34\ 628 \times 2148 \times 35\ 611$

**Bài 5.** Tìm số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau mà khi nhân với chính nó rồi cộng với 4 thì được một số chia hết cho 5.

**Bài 6.** Cô giáo có một số bút lớn hơn 60 và nhỏ hơn 80. Hỏi cô có bao nhiêu cái bút, biết rằng nếu cô chia số bút đó cho 2 bạn hay 5 bạn thì đều chia hết.

**Bài 7.** Người ta viết lên bảng 9 số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 9. Lần thứ nhất xóa đi hai số bất kì rồi viết tổng hai số đó lên bảng. Lần thứ hai xóa đi hai số bất kì và viết tổng lên bảng, tiếp tục làm như vậy. Hỏi sau lần thứ 8 trên bảng còn lại một số chia hết cho 9 không?

#### Dạng 4. Đơn vị đo

**Bài 1.** Viết số thích hợp vào chỗ trống:

- |                                |                            |
|--------------------------------|----------------------------|
| a. 6000kg = ..... tạ           | 8dag = ..... g             |
| b. 4 tạ 15kg = ..... kg        | 1 tấn 25kg = ..... kg      |
| c. 6kg 1dag = .....g           | 4hg 50g = .....g           |
| d. 340kg = ..... tạ ..... yến  | 4050g = ..... kg ..... dag |
| e. 1500kg = ..... tấn ..... tạ | 215kg = ..... tạ ..... kg  |

**Bài 2.** Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm:

- |                                |                            |
|--------------------------------|----------------------------|
| 5hg ..... 50g                  | 4kg 3dag ..... 4030g       |
| 8 tấn ..... 8100kg             | 3 tấn 35 kg ..... 3350kg   |
| 3 tạ 4kg ..... 3 tạ + 40kg     | 4kg 6dag ..... 400g + 6dag |
| 5 tấn 4 yến ..... 50 tạ + 40kg | 6hg 7g ..... 600g + 7dag   |

**Bài 3.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- |  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| $4500cm^2 = \dots\dots\dots dm^2$      | $30\ 000cm^2 = \dots\dots\dots m^2$ |
| $5000dm^2 = \dots\dots\dots m^2$       | $1m^2 5dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$ |
| $15dm^2 25cm^2 = \dots\dots\dots cm^2$ | $2m^2 = \dots\dots\dots cm^2$       |

**Bài 4.** Đến ngày 5 tháng 6 năm 2011 là tròn 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.

- Bác đã ra đi tìm đường cứu nước vào năm nào?
- Năm đó thuộc thế kỉ bao nhiêu?
- Tính đến 5 tháng 6 năm 2017, đã bao nhiêu năm kể từ ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước?

**Bài 5.** Ba ô tô chở hàng. Ô tô thứ nhất chở được 4 tạ 25kg, ô tô thứ hai chở được nhiều hơn ô tô thứ nhất 45kg nhưng ít hơn ô tô thứ ba 3 yến 7kg. Hỏi ô tô thứ ba chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

**Bài 6.** Có 5 gói kẹo như nhau. Bình lấy mỗi gói 4 viên kẹo thì số kẹo còn lại vừa đủ 3 gói nguyên, biết mỗi viên kẹo nặng 1dag 5g. Hỏi 5 gói kẹo nặng bao nhiêu gam?

#### Dạng 5. Phân số.

**Bài 1.** Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

a.  $\frac{34}{45}; \frac{19}{17}; \frac{20}{20}; \frac{36}{45}; \frac{32}{45}; \frac{20}{17}; \frac{28}{17}$

b.  $\frac{15}{4}; \frac{5}{6}; \frac{51}{42}; \frac{8}{7}; \frac{4}{21}$

**Bài 2.** So sánh các biểu thức sau:

a.  $A = \frac{1431}{2017} + \frac{12}{13}$  và  $B = \frac{1431}{2017} + \frac{13}{14}$

b.  $C = \frac{105}{45} - \frac{3219}{2215}$  và  $D = \frac{7}{3} - \frac{3219}{2215}$

c.  $E = \frac{69}{36} - \frac{12}{18}$  và  $F = \frac{23}{12} - \frac{1}{3}$

**Bài 3.** Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

a.  $\frac{109}{201} + \frac{21}{25} \dots\dots\dots \frac{109}{201} + \frac{23}{25}$

b.  $\frac{1955}{3723} + \frac{25}{25} \dots\dots\dots \frac{1955}{3723} + 1$

c.  $\frac{572}{124} - \frac{13}{49} \dots\dots\dots \frac{585}{124} - \frac{13}{49}$

d.  $\frac{342}{27} - \frac{21}{22} \dots\dots\dots \frac{342}{27} - \frac{55}{54}$

**Bài 4.** Tính giá trị các biểu thức sau theo cách hợp lý nhất.

a.  $A = \frac{4}{6} + \frac{7}{13} + \frac{17}{9} + \frac{19}{13} + \frac{1}{9} + \frac{14}{6}$

b.  $B = \frac{1}{7} + \frac{2}{7} + \frac{3}{7} + \dots + \frac{15}{7}$

c.  $C = \frac{8}{27} + \frac{4}{15} + \frac{19}{27} + \frac{11}{15}$

d.  $D = \frac{12}{13} + \frac{2}{7} + \frac{8}{13} + \frac{6}{13} + \frac{5}{7}$

e.  $E = \frac{1}{1 \times 2} + \frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \dots\dots\dots + \frac{1}{9 \times 10}$

f.  $F = \frac{34}{49} : \frac{13}{9} - \frac{34}{49} : \frac{4}{9} + \frac{15}{49}$

**Bài 5.** Tìm x biết:

a.  $x + \frac{1}{7} = \frac{7}{21} - \frac{1}{21}$

b.  $\frac{4}{43} - x + \frac{2}{43} = \frac{5}{43}$

c.  $(x - 2) + \frac{25}{75} = \frac{22}{33}$

d.  $\frac{7}{33} - (x - 1) = \frac{2}{33}$

e.  $\frac{2}{3} : \frac{7}{5} : \frac{x}{9} = \frac{2}{7} : \frac{3}{5} : \frac{10}{9}$

f.  $\frac{3}{5} : \frac{7}{x} : \frac{3}{4} = \frac{12}{105}$

**Bài 6.** Một hình chữ nhật có chiều rộng là  $\frac{13}{28}$  m, chiều dài hơn chiều rộng là  $\frac{1}{4}$  m. Tính chu vi của mảnh đất đó.

**Bài 7.** Một cửa hàng dầu, ngày thứ nhất bán đi  $\frac{1}{4}$  số dầu, ngày thứ hai bán đi  $\frac{1}{3}$  số dầu còn lại, ngày thứ ba bán 72 lít dầu thì vừa hết. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu lít dầu?

**Bài 8.** Có ba tổ công nhân tham gia sản xuất, tổ một sản xuất được số sản phẩm bằng  $\frac{4}{3}$  số sản phẩm của tổ hai, tỉ số sản phẩm của tổ ba và tổ hai là  $\frac{1}{2}$ , biết tổ ba sản xuất được 69 sản phẩm. Hỏi cả ba tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

**Bài 9.** Trong một khu vườn, người ta trồng 3 loại cây: chanh, cam và bưởi. Trong vườn có 70 cây chanh, tỉ số cây chanh và số cây cam là  $\frac{5}{3}$ , số cây bưởi nhiều hơn số cây chanh 8 cây. Tìm tỉ số của số cây bưởi và số cây chanh.

**Bài 10.** Một hình chữ nhật có tỉ số của chiều dài và chiều rộng là  $\frac{5}{7}$ . Tính tỉ lệ của:

- Chiều rộng và chu vi hình chữ nhật
- Chiều dài và chu vi hình chữ nhật

### Dạng 6. Bài toán tổng – hiệu, tổng – tỉ, hiệu – tỉ.

**Bài 1.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 142m, nếu chiều dài giảm đi 7m thì hình đó trở thành hình vuông. Hỏi chiều dài hình chữ nhật ban đầu là bao nhiêu?

**Bài 2.** Đầu năm hai lớp 4A và 4B trồng tổng số cây là 120 cây, nếu lớp 4A trồng thêm 5 cây và lớp 4B trồng ít đi 3 cây thì hai lớp trồng số cây bằng nhau. Hỏi ban đầu lớp 4A trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 3:** Hai thùng dầu có tổng cộng 60l. Biết rằng  $\frac{1}{2}$  số dầu ở thùng thứ nhất bằng  $\frac{1}{3}$  số lít dầu ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

**Bài 4:** Kho thứ nhất có nhiều hơn kho thứ hai 20 tấn gạo. Sau khi mỗi kho nhập thêm 5 tấn gạo thì số gạo kho thứ hai bằng  $\frac{5}{7}$  số gạo kho thứ nhất. Hỏi lúc đầu mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

**Bài 5:** Tuổi ông nhiều hơn cháu 66 tuổi. Tính tuổi mỗi người biết rằng tuổi của cháu gồm bao nhiêu tháng thì tuổi của ông gồm bấy nhiêu năm ?

**Bài 6:** Năm nay tuổi con bằng  $\frac{1}{7}$  tuổi mẹ. Sau 2 năm nữa tuổi con bằng  $\frac{1}{5}$  tuổi mẹ. Tính tuổi hiện nay của mỗi người?

**Bài 7:** Một nông trại nuôi ba loại gia súc là bò, dê, heo. Biết  $\frac{1}{3}$  số bò bằng  $\frac{1}{5}$  số dê và  $\frac{1}{7}$  số heo. Số heo lớn hơn số bò là 48 con. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu con?

### Dạng 7: Hình học

**Bài 1:** Hình bình hành ABCD có độ dài cạnh AB = 6cm, cạnh BC = 4cm, chiều cao AH = 3cm. Hãy tính chu vi và diện tích hình bình hành đó.

**Bài 2:** Một khu vườn hình bình hành hai cạnh liền nhau có độ dài lần lượt là 24m và 300dm. Người chủ muốn trồng một hàng cây xung quanh khu vườn, mỗi cây cách nhau 6m. Hỏi người đó trồng được bao nhiêu cây?

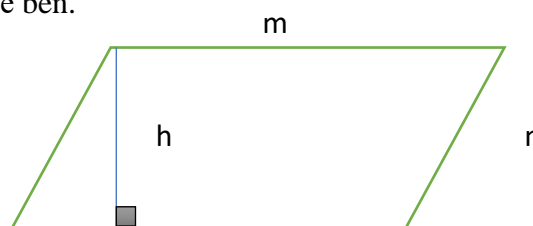
**Bài 3:** Cho một hình bình hành có độ dài như hình vẽ bên.

a. Viết công thức tính chu vi của hình bình hành đã cho theo các độ dài (bằng chữ).

b. Viết công thức tính diện tích của hình bình hành theo độ dài đáy và chiều cao.

c. Tính chu vi hình bình hành biết  $m = 14m$ ,  $n = 24m$

d. Tính diện tích của hình bình hành biết:  $m = 36m$ ,  $h = 17m$ .



**Bài 4:** Một miếng đất hình bình hành có chu vi bằng 104m, chiều cao kém cạnh đáy 8m. Trên miếng đất đó người ta trồng rau, mỗi mét vuông thu hoạch được 5kg rau. Tìm số rau thu hoạch được tất cả.

**Bài 5:** Cho hình bình hành ABCD có chu vi là 30m, nếu giảm cạnh AB đi 2cm và tăng BC lên 2cm thì cạnh BC vẫn nhỏ hơn AB 1cm. Tính độ dài các cạnh của hình bình hành.

**Bài 6:** Một hình thoi có chu vi bằng 60cm, khi giảm cạnh đi 4cm thì chu vi hình thoi mới là bao nhiêu xăng – ti – mét ?



**Bài 7:** Một hình chữ nhật có chu vi bằng 50cm, chiều dài bằng  $\frac{3}{2}$  chiều rộng. Một hình thoi có cạnh bằng chiều dài hình chữ nhật thì có chu vi bằng bao nhiêu ?

**Bài 8:** Một hình bình hành có chu vi là 40m. Tỉ số hai cạnh liền nhau là  $\frac{2}{3}$ . Tính chu vi hình thoi có cạnh bằng cạnh ngắn hơn của hình bình hành.

